

## THÔNG BÁO

### Kết quả đánh giá năng lực tiếng Anh trình độ B1 năm 2018, đợt 2 – Phân hiệu ĐH Lâm nghiệp

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1137/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành quy định về tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B1 tại trường Đại học Lâm nghiệp;

Ngày 16 tháng 12 năm 2018, Trường Đại học Lâm nghiệp đã tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh trình độ B1 năm 2018, đợt 2 tại Phân hiệu Đại học Lâm nghiệp cho các học viên cao học với các thông tin cụ thể như sau:

#### 1. Nội dung và tiêu chí đánh giá:

Học viên cao học trước khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ cần dự thi kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh trình độ B1, khung tham chiếu Châu Âu bao gồm **04 kỹ năng** (Nghe, Đọc, Viết, Nói) và được đánh giá là **Đạt** khi hội đủ các tiêu chí sau:

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| - Kỹ năng Đọc + viết: | ≥ 18 điểm  |
| - Kỹ năng Nghe:       | ≥ 06 điểm  |
| - Kỹ năng Nói:        | ≥ 06 điểm  |
| - Tổng điểm:          | ≥ 50 điểm. |

#### 2. Số lượng thí sinh dự thi:

- |                            |              |
|----------------------------|--------------|
| - Tổng số thí sinh dự thi: | 101 thí sinh |
| - Số thí sinh Đạt kết quả: | 99 thí sinh  |
| - Số thí sinh Không đạt:   | 02 thí sinh  |

#### 3. Kết quả đánh giá kỳ thi:

(Kết quả theo danh sách đính kèm thông báo này)

#### 4. Nhận đơn chấm phúc khảo:

Thời gian nhận đơn phúc khảo kỹ năng Đọc + Viết của học viên từ ngày 24/12/2018 đến ngày 08/01/2019.

Nơi nhận đơn phúc khảo: Phòng 203, Nhà A1, Trường Đại học Lâm nghiệp, TT. Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội./.

#### Nơi nhận:

- Hiệu Trưởng;
- Chủ tịch HĐT;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT ĐTSĐH.



GS.TS. Trần Văn Chứ

KẾT QUẢ CHẤM THI KỲ THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH B1  
Năm 2018, đợt 2

Ngày thi: 16/12/2018

Địa điểm: Phân hiệu Đại học Lâm nghiệp

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các kỹ năng				Tổng điểm	Kết quả
				Đọc viết	Nghe	Tổng 1	Nói		
1	Đỗ Anh	Nữ	22/07/1981	45	18	63	7	70	Đạt
2	Lưu Thế Anh	Nam	16/12/1989	44	18	62	6	68	Đạt
3	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	06/12/1987	44	19	63	7	70	Đạt
4	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	15/09/1995	45	19	64	10	74	Đạt
5	Lê Văn Bá	Nam	04/11/1975	47	18	65	9	74	Đạt
6	Trần Văn Bắc	Nam	24/01/1991	47	18	65	12	77	Đạt
7	Đoàn Quốc Bảo	Nam	25/11/1982	42	19	61	9	70	Đạt
8	Trần Bá Bút	Nam	20/04/1984	40	17	57	6	63	Đạt
9	Nguyễn Thị Chuyên	Nữ	09/02/1973	39	18	57	15	72	Đạt
10	Nguyễn Chí Cường	Nam	25/05/1983	45	15	60	8	68	Đạt
11	Nguyễn Hải Đăng	Nam	12/06/1978	47	16	63	9	72	Đạt
12	Võ Hồng Danh	Nam	07/11/1985	45	15	60	6	66	Đạt
13	Đình Tiến Đạt	Nam	02/04/1991	33	12	45	13	58	Đạt
14	Lê Thị Thuỳ Dung	Nữ	23/11/1982	42	19	61	10	71	Đạt
15	Vũ xuân Dũng	Nam	01/08/1988	46	19	65	6	71	Đạt
16	Lưu Văn Dũng	Nam	27/09/1979	34	17	51	6	57	Đạt
17	Đặng Tuấn Dương	Nam	07/06/1981	44	15	59	10	69	Đạt
18	Lê Thị Thuỳ Dương	Nữ	26/12/1983	45	17	62	10	72	Đạt
19	Đào Đại Giang	Nam	20/11/1980	42	19	61	6	67	Đạt
20	Trương Văn Giang	Nam	02/07/1982	40	19	59	9	68	Đạt
21	Nguyễn Lê Yên Hà	Nữ	12/11/1979	38	19	57	14	71	Đạt
22	Phạm Thanh Hà	Nam	29/07/1985	42	17	59	8	67	Đạt
23	Nguyễn Hữu Hải	Nam	14/11/1987	40	16	56	10	66	Đạt
24	Nguyễn Thị Hải	Nữ	25/02/1991	43	18	61	13	74	Đạt
25	Nguyễn Văn Hân	Nam	30/12/1983	47	19	66	10	76	Đạt
26	Mạnh Thị Hằng	Nữ	13/03/1981	46	17	63	10	73	Đạt
27	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	05/02/1974	35	14	49	14	63	Đạt
28	Nguyễn Văn Hào	Nam	19/05/1982	44	16	60	9	69	Đạt
29	Phan Thị Hiền	Nữ	05/09/1990	44	17	61	13	74	Đạt
30	Mạnh Hồng Hoàng	Nam	04/04/1989	49	12	61	15	76	Đạt
31	Vũ Bá Hoàng	Nam	21/04/1970	43	18	61	8	69	Đạt
32	Vũ xuân Hoàng	Nam	02/08/1990	44	17	61	11	72	Đạt

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các kỹ năng				Tổng điểm	Kết quả
					Đọc viết	Nghe	Tổng 1	Nói		
33	Hà Thị Kim	Huệ	Nữ	12/12/1983	50	12	62	8	70	Đạt
34	Đoàn Thị Lệ	Hương	Nữ	10/12/1979	43	19	62	9	71	Đạt
35	Hoàng Thị	Hương	Nữ	08/06/1982	45	18	63	12	75	Đạt
36	Lâm Quang	Huy	Nam	26/11/1980	37	13	50	10	60	Đạt
37	Nguyễn Thị An	Khánh	Nữ	02/11/1984	46	16	62	11	73	Đạt
38	Võ Duy	Khánh	Nam	22/02/1993	42	16	58	12	70	Đạt
39	Nguyễn Thị Thu	Kiều	Nữ	24/04/1982	46	18	64	16	80	Đạt
40	Bùi Thị	Lành	Nữ	02/03/1983	44	16	60	8	68	Đạt
41	Huỳnh Thị	Lệ	Nữ	15/04/1991	49	16	65	13	78	Đạt
42	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	16/10/1992	48	16	64	15	79	Đạt
43	Phan Văn	Liên	Nam	27/12/1983	45	17	62	6	68	Đạt
44	Nguyễn Thị Thu	Liễu	Nữ	30/09/1975	44	18	62	8	70	Đạt
45	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	22/03/1992	50	16	66	13	79	Đạt
46	Lưu Thanh	Lợi	Nam	19/05/1980	46	16	62	11	73	Đạt
47	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	16/11/1972	48	12	60	12	72	Đạt
48	Thái Thị Khánh	Long	Nữ	14/12/1995	45	13	58	12	70	Đạt
49	Thái Doãn	Lực	Nam	16/05/1983	44	11	55	8	63	Đạt
50	Phạm Văn	Lưu	Nam	22/11/1980	50	16	66	9	75	Đạt
51	Chu Thị	Lựu	Nữ	08/03/1984	45	15	60	10	70	Đạt
52	Nguyễn Thị	Mận	Nữ	20/02/1986	45	15	60	8	68	Đạt
53	Phan Thanh	Mạnh	Nam	18/05/1993	42	15	57	6	63	Đạt
54	Hoàng Thị Trà	My	Nữ	08/02/1994	52	15	67	14	81	Đạt
55	Phạm Bình Phương	Nam	Nam	08/11/1978	44	15	59	7	66	Đạt
56	Phạm Thị Vân	Nam	Nữ	25/06/1982	43	13	56	10	66	Đạt
57	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	Nữ	10/05/1990	45	15	60	11	71	Đạt
58	Nguyễn Ánh	Ngọc	Nam	10/05/1974	42	13	55	12	67	Đạt
59	Đình Thị Thu	Nguyệt	Nữ	02/09/1982	44	15	59	10	69	Đạt
60	Lê Thanh	Nhật	Nam	01/09/1992	40	15	55	8	63	Đạt
61	Trần Ngọc	Ninh	Nam	14/12/1971	46	15	61	10	71	Đạt
62	Nguyễn Trí	Phúc	Nam	10/10/1981	48	15	63	10	73	Đạt
63	Đình Quang	Phúc	Nam	12/12/1985	45	15	60	7	67	Đạt
64	Lê Đăng	Phước	Nam	27/06/1990	41	13	54	9	63	Đạt
65	Phạm Thanh	Phương	Nữ	21/10/1984	38	13	51	8	59	Đạt
66	Lê Hoài	Phương	Nữ	17/08/1991	40	13	53	8	61	Đạt
67	Võ Thị Kiều	Phương	Nữ	11/07/1980	39	15	54	7	61	Đạt
68	Đoàn	Quang	Nam	05/09/1978	37	15	52	7	59	Đạt
69	Đỗ Chánh	Quang	Nam	05/10/1978	43	15	58	7	65	Đạt
70	Lê Huy	Quang	Nam	06/05/1978	41	15	56	6	62	Đạt

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các kỹ năng				Tổng điểm	Kết quả
					Đọc viết	Nghe	Tổng I	Nói		
71	Mai Xuân	Quý	Nam	10/08/1976	37	18	55	6	61	Đạt
72	Mạnh Trọng	Quyền	Nam	28/09/1989	44	17	61	11	72	Đạt
73	Nguyễn Văn	Quyền	Nam	05/09/1982	42	19	61	10	71	Đạt
74	Bùi Xuân	Quyết	Nam	17/04/1993	52	19	71	13	84	Đạt
75	Nguyễn Thị	Soa	Nữ	18/08/1987	48	19	67	6	73	Đạt
76	Nguyễn Thanh	Son	Nam	14/12/1979	46	19	65	7	72	Đạt
77	Nguyễn Văn	Son	Nam	09/07/1978	40	15	55	6	61	Đạt
78	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	02/03/1972	46	15	61	6	67	Đạt
79	Nguyễn Văn	Tân	Nam	06/09/1978	43	14	57	9	66	Đạt
80	Trần Đỗ	Tân	Nam	30/05/1984	42	16	58	7	65	Đạt
81	Phạm Văn	Thắng	Nam	12/03/1983	46	16	62	6	68	Đạt
82	Đình Nho	Thanh	Nam	10/10/1986	39	13	52	6	58	Đạt
83	Lê Thuần	Thành	Nam	15/07/1966	43	15	58	7	65	Đạt
84	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	28/02/1990	50	20	70	14	84	Đạt
85	Trần Thị Hồng	Thảo	Nữ	07/08/1976	34	0	34	1	35	Không Đạt
86	Nguyễn Hữu	Thi	Nam	24/12/1972	46	13	59	11	70	Đạt
87	Lê Thuần	Thiện	Nam	02/08/1982	44	15	59	6	65	Đạt
88	Ngô Thị	Thương	Nữ	09/12/1987	17	4	21	3	24	Không Đạt
89	Hà Thị Linh	Thúy	Nữ	11/01/1981	45	16	61	8	69	Đạt
90	Ngô Thị Thu	Thủy	Nữ	30/04/1992	49	17	66	14	80	Đạt
91	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	Nữ	01/09/1985	44	14	58	6	64	Đạt
92	Đặng Khắc	Trâm	Nam	08/11/1988	37	15	52	6	58	Đạt
93	Bùi Viết	Trình	Nam	12/09/1990	45	13	58	6	64	Đạt
94	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	01/03/1978	42	15	57	6	63	Đạt
95	Ngô Quốc	Trường	Nam	30/09/1981	46	16	62	6	68	Đạt
96	Cao Văn	Tú	Nam	25/01/1995	33	13	46	6	52	Đạt
97	Hồ Ngọc Nguyên	Tùng	Nam	11/08/1992	46	16	62	13	75	Đạt
98	Lê Huy	Tuyền	Nam	25/06/1992	43	16	59	6	65	Đạt
99	Vũ Ngọc Phượng	Vi	Nữ	12/04/1984	44	15	59	8	67	Đạt
100	Nguyễn Thọ	Vinh	Nam	07/09/1968	40	16	56	7	63	Đạt
101	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	06/10/1991	46	16	62	7	69	Đạt

Danh sách gồm 101 thí sinh